

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 137/2024/QĐST-HNGĐ

Vinh Yên, ngày 16 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lưu Văn Hà
- Bà Nguyễn Thị Thúy Nga.

Căn cứ Điều 212; Điều 213; Điều 235, Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 59; Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2024/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Xuân Phương K, sinh năm 1981;

Bị đơn: Chị Đỗ Thị Thanh H, sinh năm 1988;

Đều có địa chỉ tại: Số nhà A, ngõ E, đường L, tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Xuân Phương K và chị Đỗ Thị Thanh H thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung:

Chị Đỗ Thị Thanh H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là Trần Thị Huyền T sinh ngày 31/7/2008 và Trần Ngọc H1, sinh ngày 01/10/2015 đến khi thành niên, có thể lao động tự túc được. Hàng tháng anh Trần Xuân Phương K có nghĩa vụ đóng góp nuôi con với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/1 tháng/1 người con. Thời điểm cấp dưỡng kể từ 01/01/2025 đến khi con chung là người thành niên, có khả năng lao động tự túc được hoặc đến khi có thay đổi về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3 Về tài sản và các vấn đề khác:

Anh Trần Xuân Phương K được quyền sở hữu 01 ngôi nhà 02 tầng xây và toàn bộ tài sản khác gắn liền trên thửa đất số 113 tờ bản đồ 56, địa chỉ tại tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BX680822, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CS 03134 ngày 26/12/2014 đứng tên Trần Xuân Phương K, tài sản có giá trị 650.000.000đ.

Chị Đỗ Thị Thanh H được toàn quyền sử dụng thửa đất số 43, tờ bản đồ 86 diện tích 360,1m² (trong đó đất ở 50m² và 310m² đất trồng cây lâu năm) địa chỉ tại thôn L, xã T, huyện T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 079627, số vào sổ cấp GCN CS 02438 ngày 16/4/2019 đứng tên anh Trần Xuân Phương K và chị Đỗ Thị Thanh H. Chị H được liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thay đổi nội dung đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, thửa đất có giá trị 355.050.000đ.

Tổng giá trị tài sản chung của anh K và chị H là 1.005.050.000 đồng (Một tỷ không trăm linh lăm triệu không trăm lăm mươi nghìn đồng). Giá trị tài sản mỗi người được nhận là 502.525.000 đồng. Anh K có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch về tài sản cho chị H số tiền 147.475.000 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

2.4 Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng trong vụ án đã quyết toán xong, anh K tự nguyện chịu toàn bộ theo quy định. Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về án phí:

Anh Trần Xuân Phương K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 24.101.000 đồng án phí có giá ngạch về chia tài sản chung. Tổng số tiền án phí sơ thẩm anh K phải nộp là 24.401.000 đồng, được trừ vào số tiền 10.600.000 đồng đã tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005920 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên. Anh K còn phải nộp 13.801.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm linh một nghìn đồng).

Chị Đỗ Thị Thanh H phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch là 24.401.000 đồng (Hai mươi tư triệu bốn trăm linh một nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục THA.DS thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Việt Quang